

Lồng ghép từ vay mượn gốc tiếng Pháp trong tiếng Việt vào việc dạy học từ vựng tiếng Pháp cho sinh viên năm thứ nhất tại một số trường đại học ở miền Bắc Việt Nam

Nguyễn Thị Huệ*

Tóm tắt: Đối với sinh viên mới bắt đầu học tiếng Pháp, việc tiếp cận từ vựng thường gặp nhiều khó khăn; trong bối cảnh đó, lớp từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt có thể đóng vai trò như một điểm tựa ban đầu. Nghiên cứu này khảo sát khả năng nhận diện, hiểu biết và thái độ của sinh viên năm thứ nhất, đồng thời tìm hiểu nhận thức của giảng viên về tiềm năng, giới hạn và điều kiện tích hợp lớp từ này vào dạy học từ vựng tiếng Pháp. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp mô tả - thăm dò, kết hợp khảo sát 205 sinh viên với phỏng vấn bán- cấu trúc năm giảng viên tại bốn cơ sở đào tạo đại học ở miền Bắc Việt Nam. Kết quả cho thấy sinh viên nhận diện tốt một số từ vay mượn phổ biến, nhưng hiểu biết về nguồn gốc, nghĩa và liên hệ với tiếng Pháp còn khá hạn chế. Sinh viên và giảng viên cho rằng việc khai thác có hướng dẫn lớp từ này có thể hỗ trợ suy đoán nghĩa, ghi nhớ từ vựng, nâng cao ý thức về phát âm, tăng sự gần gũi, hứng thú và tự tin. Tuy nhiên, sự tương đồng có thể gây nhầm lẫn về nghĩa hoặc duy trì cách phát âm Việt hóa. Nhìn chung, từ vay mượn gốc Pháp có thể là nguồn hỗ trợ bổ sung cho người học sơ cấp; tuy nhiên, việc tích hợp cần có chọn lọc, gắn với ngữ cảnh, mục tiêu bài học và hướng dẫn của giảng viên trong các bài học.

Từ khóa: từ vay mượn gốc Pháp; chuyển di ngôn ngữ; dạy học từ vựng; sinh viên năm thứ nhất.

Ngày nhận: 24/3/2026; ngày chỉnh sửa: 20/6/2026; ngày chấp nhận đăng: 30/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.2.8>

1. Đặt vấn đề

Trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam hiện nay, việc lựa chọn và giảng dạy ngoại ngữ không chỉ xuất phát từ nhu cầu đào tạo và hội nhập học thuật, mà còn chịu sự chi phối của định hướng chính sách ngôn ngữ của Nhà nước. Trong hệ thống đó, tiếng Pháp giữ vị trí riêng nhờ giá trị lịch sử, học

thuật và mối liên hệ với cộng đồng Pháp ngữ. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025, hiện có khoảng 38.000 học sinh học tiếng Pháp, với hơn 400 giáo viên tiếng Pháp, được giảng dạy ở 35 tỉnh/thành phố và 171 trường. Thực tế này cho thấy, việc dạy và học tiếng Pháp ở Việt Nam hiện nay vừa mang ý nghĩa kế thừa, vừa đòi hỏi những hướng tiếp cận phù hợp hơn đối với người học ở giai đoạn đầu.

Đối với sinh viên năm nhất mới bắt đầu học tiếng Pháp, việc tiếp cận từ vựng mới

* Học viện Cảnh sát Nhân dân;
email: huetuan.nguyenthi@gmail.com

thường gặp nhiều trở ngại do mức độ quen thuộc với ngôn ngữ đích còn hạn chế (Coady 1997). Trong bối cảnh đó, việc khai thác những yếu tố ngôn ngữ đã hiện diện sẵn trong tiếng mẹ đẻ có thể tạo ra một điểm tựa ban đầu cho quá trình học tập. Tiếng Việt có khoảng 3.000 từ ngữ gốc Pháp đang được sử dụng, qua đó hình thành một lớp từ vay mượn có vị trí đáng kể trong hệ thống từ vựng tiếng Việt (Nguyễn Thị Thúy 2022). Lớp từ này hiện diện trong nhiều lĩnh vực đời sống như ẩm thực với *cà phê/café*, *bơ/beurre*, *pa-tê/pâté*, *ga-tô/gâteau*; giao thông và kỹ thuật với *ga/gare*, *ô tô/auto*, *mô tô/moto*, *tắc xi/taxi*; đồ dùng và trang phục với *va li/valise*, *sơ mi/chemise*; xây dựng với *xi măng/ciment*, *bê tông/béton*, *ban công/balcon*... Sự đa dạng đó cho thấy từ vay mượn gốc Pháp không chỉ là dấu vết lịch sử của tiếp xúc ngôn ngữ mà còn là một bộ phận quen thuộc trong vốn từ tiếng Việt. Tuy nhiên, sự quen thuộc trong sử dụng hằng ngày không đồng nghĩa với việc người học nhận biết được nguồn gốc, hình thức tương ứng trong tiếng Pháp hoặc những biến đổi về phát âm và ý nghĩa. Vì vậy, giá trị sư phạm của lớp từ này không nằm ở việc cung cấp một danh sách từ có vẻ giống nhau, mà ở khả năng giúp người học thiết lập mối liên hệ có ý thức giữa vốn ngôn ngữ sẵn có với từ vựng tiếng Pháp.

Các nghiên cứu trước đây về từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt có thể được khái quát theo một số hướng chính. Thứ nhất, các công trình thuộc lĩnh vực xã hội-ngôn ngữ học tập trung nhận diện nguồn gốc, hình thức và quá trình hòa nhập của từ gốc Pháp vào hệ thống tiếng Việt (Nguyễn Quang Tuấn và Nguyễn Đức Dân 1992; Nguyễn Văn Khang 2007). Những nghiên cứu này tạo cơ sở cho việc xác định các đơn vị vay mượn và mức độ Việt hóa của chúng, nhưng trọng tâm chủ yếu vẫn là mô tả hiện tượng ngôn ngữ. Thứ hai, các nghiên cứu ngữ âm - âm vị làm rõ những biến đổi xảy ra khi từ tiếng Pháp được tiếp

nhận vào tiếng Việt. Huynh (2008) tập trung phân tích sự thích nghi của từ vay mượn tiếng Pháp với hệ thống thanh điệu tiếng Việt, trong khi Scholvin và Meinschaefer (2018) xem xét những biến đổi về cấu trúc âm tiết và các đặc điểm âm đoạn. Hướng nghiên cứu này có ý nghĩa đối với dạy học vì nó cho thấy sự tương đồng về hình thức giữa từ vay mượn và từ tiếng Pháp có thể đi kèm những khác biệt đáng kể về phát âm. Thứ ba, các nghiên cứu về chuyển di từ vựng chỉ ra rằng tri thức ngôn ngữ đã có, bao gồm những yếu tố tương đồng hoặc gần tương đồng giữa các ngôn ngữ, có thể ảnh hưởng đến quá trình nhận diện và suy đoán nghĩa của người học (Ulijn và cộng sự 1981). Tuy nhiên, sự tương đồng không hoàn toàn cũng có thể dẫn đến những suy đoán không chính xác về nghĩa hoặc cách phát âm. Thứ tư, ở bình diện dạy học, một số công trình đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến khả năng huy động các nguồn lực ngôn ngữ có nguồn gốc Pháp trong dạy học tiếng Pháp tại Việt Nam. Nguyễn Thị Phương Hồng (2012) khảo sát các nguồn lực xã hội-ngôn ngữ có nguồn gốc Pháp còn hiện diện trong tiếng Việt và đề xuất khai thác chúng như một yếu tố hỗ trợ quá trình tiếp nhận tiếng Pháp của người Việt. Một số nghiên cứu khác cũng bước đầu đề cập đến việc sử dụng từ vay mượn gốc Pháp trong học tiếng Pháp hoặc xây dựng học liệu (Nguyễn Thị Thùy và cộng sự 2022; Trương Tiến Dũng 2018). Ở phạm vi rộng hơn, Blouin (2017), tuy không nghiên cứu trực tiếp từ vay mượn, đã phân tích nhận thức và thực hành của giảng viên tiếng Pháp tại Việt Nam, qua đó nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh các định hướng dạy học theo môi trường giáo dục và văn hóa địa phương.

Như vậy, tiềm năng khai thác các nguồn lực ngôn ngữ có nguồn gốc Pháp trong dạy học tiếng Pháp tại Việt Nam đã được một số công trình đề cập. Tuy nhiên, trong phạm vi tài liệu được rà soát, vẫn chưa có nghiên cứu nào khảo sát khả năng nhận diện và mức độ hiểu biết của sinh viên năm thứ nhất kết hợp

với việc đối chiếu nhận thức của người học và giảng viên về lợi ích, hạn chế cũng như những điều kiện sư phạm cần thiết để tích hợp lớp từ này vào dạy học từ vựng tiếng Pháp ở bậc đại học.

Về lý thuyết, nghiên cứu sử dụng thuyết chuyển di ngôn ngữ của Odlin làm khung phân tích trung tâm. “Chuyển di ngôn ngữ được hiểu là ảnh hưởng của những điểm tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ đích với các ngôn ngữ mà người học đã tiếp thu trước đó đối với quá trình học ngôn ngữ mới (Odlin 1989: 27). Theo cách tiếp cận này, các từ vay mượn gốc Pháp đã tồn tại trong tiếng Việt có thể trở thành một phần vốn ngôn ngữ sẵn có của sinh viên Việt Nam khi bắt đầu học tiếng Pháp. Sự tương đồng về hình thức hoặc ý nghĩa có thể tạo điều kiện cho chuyển di tích cực, thể hiện ở khả năng nhận diện từ, suy đoán nghĩa, thiết lập liên hệ Pháp - Việt và hỗ trợ ghi nhớ. Tuy nhiên, những biến đổi về phát âm, hình thức và ý nghĩa trong quá trình Việt hóa cũng có thể dẫn đến chuyển di tiêu cực, chẳng hạn như việc duy trì cách phát âm tiếng Việt, suy đoán sai nghĩa hoặc coi từ vay mượn và từ tiếng Pháp tương ứng là hoàn toàn đồng nhất trong mọi ngữ cảnh.

Giả thuyết đầu vào và bộ lọc cảm tính của Krashen được sử dụng như một góc nhìn bổ trợ để lý giải nhận thức của người tham gia về mức độ dễ tiếp cận và cảm giác tâm lý khi học từ vựng. Theo Krashen, quá trình tiếp nhận ngôn ngữ diễn ra thuận lợi khi người học có thể hiểu đầu vào dựa trên kiến thức và ngữ cảnh sẵn có (Krashen 1985: 20). Bên cạnh đó, giả thuyết bộ lọc cảm tính cho rằng động lực, sự tự tin và mức độ lo âu có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận đầu vào của người học (Krashen 1985: 30).

Trên cơ sở hai định hướng lý thuyết này, dữ liệu nghiên cứu được xem xét theo ba phương diện: biểu hiện của chuyển di tích cực trong nhận diện và tiếp nhận từ vựng; nguy cơ chuyển di tiêu cực về phát âm và ý nghĩa; và

vai trò của sự hướng dẫn sư phạm trong việc phát huy lợi ích, đồng thời hạn chế nhầm lẫn khi khai thác từ vay mượn gốc Pháp.

Xuất phát từ khoảng trống nêu trên, nghiên cứu này được thực hiện tại bốn cơ sở đào tạo đại học ở miền Bắc, gồm Học viện Cảnh sát nhân dân, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải. Bốn cơ sở này được lựa chọn trên cơ sở khả năng tiếp cận người tham gia và sự phù hợp với đối tượng nghiên cứu là sinh viên năm thứ nhất đang học tiếng Pháp. Vì vậy, phạm vi khảo sát không nhằm đại diện cho toàn bộ các cơ sở đào tạo ở miền Bắc hoặc miền Nam Việt Nam. Bài viết đặt ra câu hỏi nghiên cứu sau: “Việc lồng ghép từ vay mượn gốc tiếng Pháp trong tiếng Việt vào dạy học từ vựng tiếng Pháp được sinh viên năm nhất và giảng viên nhìn nhận như thế nào về triển vọng ứng dụng trong lớp học?”. Bài viết nhằm làm rõ tiềm năng sư phạm của lớp từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt đối với việc dạy học từ vựng tiếng Pháp cho sinh viên năm thứ nhất ở bậc đại học. Cụ thể, nghiên cứu khảo sát khả năng nhận diện, mức độ hiểu biết và thái độ tiếp nhận của sinh viên đối với lớp từ này, đồng thời ghi nhận quan điểm của giảng viên về khả năng tích hợp lớp từ này vào hoạt động dạy học.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu và người tham gia

Nghiên cứu áp dụng thiết kế hỗn hợp theo định hướng mô tả - thăm dò, kết hợp khảo sát sinh viên và phỏng vấn bán cấu trúc với giảng viên. Dữ liệu định lượng và định tính được phân tích riêng, sau đó đối chiếu và ở bước diễn giải nhằm làm rõ những điểm hội tụ, bổ trợ hoặc khác biệt giữa góc nhìn của người học và người dạy.

Mẫu khảo sát gồm 205 sinh viên năm thứ nhất đang học tiếng Pháp tại bốn cơ sở đào tạo ở miền Bắc Việt Nam. Trong đó, Học viện Cảnh sát nhân dân có 44 sinh viên (21,5%); Trường Đại học Thương mại có 32 sinh viên (15,6%); Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội có 25 sinh viên (12,2%); và Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải có 104 sinh viên (50,7%). Mẫu sinh viên được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, tự nguyện tham gia. Nghiên cứu không chọn mẫu phân tầng theo ngành học hoặc chương trình đào tạo và không đặt mục tiêu so sánh kết quả giữa các cơ sở. Do mẫu không được lựa chọn theo xác suất và số lượng người tham gia giữa các cơ sở không đồng đều, phương pháp này phù hợp với mục tiêu nghiên cứu mô tả - thăm dò đối với nhóm người học có đặc điểm tương tự.

Về đặc điểm mẫu khảo sát, nữ chiếm 59,5% và nam chiếm 40,5%. Xét theo thời gian học tiếng Pháp, 64,4% sinh viên đã học dưới 6 tháng, 27,8% học từ 6 đến 12 tháng và 7,8% học trên một năm. Những đặc điểm này cho thấy mẫu khảo sát chủ yếu gồm người học ở giai đoạn đầu, phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu.

Bên cạnh mẫu sinh viên, năm giảng viên tiếng Pháp được lựa chọn theo tiêu chí có kinh nghiệm giảng dạy tiếng Pháp và có hiểu biết về việc sử dụng hoặc khai thác từ vay mượn gốc Pháp trong lớp học. Các giảng viên cung cấp góc nhìn chuyên môn về giá trị sự phạm, khả năng ứng dụng, những khó khăn và điều kiện cần thiết khi tích hợp lớp từ này vào dạy học từ vựng tiếng Pháp.

2.2. Khảo sát sinh viên

Khảo sát sinh viên được triển khai trực tuyến thông qua bảng hỏi thiết kế trên Google Forms trong thời gian ba tuần. Bảng hỏi gồm 19 câu hỏi bằng tiếng Việt, bao

gồm câu hỏi lựa chọn, câu hỏi đánh giá theo mức độ và câu hỏi mở. Nội dung bảng hỏi được chia thành bốn nhóm: thông tin chung của người tham gia; khả năng nhận diện và mức độ hiểu biết về từ vay mượn gốc Pháp; nhận thức của sinh viên về lợi ích, hạn chế và khả năng ứng dụng của việc tích hợp lớp từ này vào dạy học tiếng Pháp; và đề xuất các giải pháp sự phạm.

Bảng hỏi được xây dựng theo mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu, sau đó được rà soát về cách diễn đạt, tính phù hợp của các phương án trả lời và mức độ bao quát các nội dung cần thu thập. Công cụ này được sử dụng nhằm khảo sát khả năng nhận diện, mức độ hiểu biết, nhận thức, trải nghiệm và nhu cầu của sinh viên đối với việc khai thác từ vay mượn gốc Pháp trong dạy học từ vựng tiếng Pháp.

Dữ liệu thu thập từ Google Forms được xuất sang Excel để kiểm tra, làm sạch, mã hóa và phân tích bằng thống kê mô tả. Đối với các câu hỏi lựa chọn và câu hỏi đánh giá theo mức độ, dữ liệu được tổng hợp bằng tần suất và tỉ lệ phần trăm nhằm xác định các xu hướng trả lời chủ yếu. Riêng các câu hỏi về khả năng nhận diện từ vay mượn được mã hóa theo ba nhóm: đúng, sai và không biết. Tỉ lệ nhận diện đúng được xác định đối với từng từ. Các câu trả lời mở được phân tích theo chủ đề nhằm nhận diện những đề xuất sự phạm nổi bật.

Do bảng hỏi được thiết kế theo định hướng mô tả - thăm dò, gồm nhiều dạng câu hỏi và không được xây dựng như một thang đo chuẩn hóa gồm nhiều biến quan sát cùng đo lường một cấu trúc tiềm ẩn, nên nghiên cứu không thực hiện kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha hoặc phân tích nhân tố. Việc phân tích được giới hạn ở thống kê mô tả và phân tích nội dung theo chủ đề phù hợp với thiết kế công cụ, đặc điểm dữ liệu và mục tiêu mô tả-thăm dò của nghiên cứu.

2.3. Phỏng vấn giảng viên

Phòng vấn bán cấu trúc được thực hiện với năm giảng viên tiếng Pháp dựa trên tám câu hỏi tập trung vào kinh nghiệm giảng dạy, nhận thức của giảng viên về từ vay mượn gốc Pháp, giá trị sư phạm, những hạn chế có thể phát sinh, điều kiện triển khai và các đề xuất liên quan đến việc tích hợp lớp từ này vào dạy học từ vựng tiếng Pháp. Với sự đồng ý của người tham gia, mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài khoảng 7-15 phút, được ghi âm và ghi chép bổ sung, sau đó được chuyển thành bản chép lời để phục vụ phân tích định tính theo chủ đề. Để bảo đảm tính bảo mật, năm giảng viên tham gia phỏng vấn được mã hóa lần lượt từ GV1 đến GV5. Dữ liệu phỏng vấn được phân tích theo chủ đề qua hai vòng mã hóa. Ở vòng thứ nhất, các bản chép lời được đọc nhiều lần và mã hóa mở; ở vòng thứ hai, những mã gần nhau được đối chiếu và nhóm thành các chủ đề về lợi ích, nguy cơ, điều kiện áp dụng và đề xuất tích hợp từ vay mượn vào lớp học. Một bảng mã và ma trận đối chiếu theo từng giảng viên được thiết lập nhằm xác định những quan điểm tương đồng, bổ sung hoặc khác biệt giữa năm người tham gia. Các mã và chủ đề được kiểm tra lại với bản chép lời gốc nhằm tăng tính nhất quán và hạn chế diễn giải chủ quan. Toàn bộ quá trình thu thập và xử lý dữ liệu được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện và có sự đồng ý của người tham gia. Người tham gia được thông báo về mục đích, cách sử dụng dữ liệu và quyền từ chối hoặc dừng tham gia. Dữ liệu được mã hóa, bảo mật danh tính và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả khảo sát sinh viên

Kết quả khảo sát sinh viên được trình bày theo ba nhóm nội dung: khả năng nhận diện

và mức độ hiểu biết về từ vay mượn gốc Pháp; trải nghiệm và nhận thức về khả năng hỗ trợ của lớp từ này đối với việc học tiếng Pháp; và quan điểm, đề xuất về việc tích hợp vào hoạt động dạy học.

3.1.1. Khả năng nhận diện và hiểu biết về từ vay mượn gốc Pháp

Kết quả khảo sát cho thấy 81,5% sinh viên đã từng nghe về “từ vay mượn gốc Pháp”, trong khi 8,8% chưa từng nghe và 9,8% không chắc chắn. Như vậy, phần lớn sinh viên đã từng nghe về khái niệm này. Tuy nhiên, điều đó chưa phản ánh khả năng xác định chính xác nguồn gốc, nghĩa và cách sử dụng của từng từ.

Về khả năng nhận diện, sinh viên đạt tỉ lệ trả lời đúng cao đối với các từ đã được Việt hóa và quen thuộc trong đời sống hằng ngày như cà phê (84%), sô-cô-la (khoảng 79,5%), ra-đi-ô và tắc xi (trên 78%). Tỉ lệ này giảm ở những từ ít được Việt hóa về hình thức như menu (khoảng 68%). Sự khác biệt trên gợi ý rằng khả năng nhận diện có thể liên quan đến mức độ Việt hóa và sự quen thuộc của từ trong sử dụng hằng ngày.

Về nguồn tiếp cận, 59,8% sinh viên cho biết từng được giảng viên hoặc tài liệu nhắc đến nguồn gốc từ vay mượn, trong khi 40,2% chưa từng được nhắc đến hoặc không nhớ. Kết quả này cho thấy việc giới thiệu nguồn gốc từ vay mượn chưa đồng đều trong nhóm khảo sát.

Xét về tần suất tiếp xúc, 40,5% sinh viên cho biết gặp từ vay mượn gốc Pháp rất thường xuyên và 46,8% gặp thỉnh thoảng, nghĩa là 87,3% có tiếp xúc với lớp từ này ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, mức độ hiểu do sinh viên tự đánh giá lại thấp hơn: 16,1% hiểu rõ, 57,6% hiểu tương đối, 18,0% mới nhận diện được hình thức và 7,8% không hiểu. Kết quả gợi ý rằng việc thường xuyên gặp từ vay mượn chưa đồng nghĩa với hiểu đầy đủ nghĩa và cách sử dụng của chúng.

3.1.2. Ảnh hưởng của việc lồng ghép từ vay mượn vào quá trình học

Khi được khảo sát về những từ tiếng Pháp có hình thức gần giống tiếng Việt, (chẳng hạn *café* và *moteur*), 42,4% sinh viên cho biết gặp “rất nhiều”, 46,3% gặp “một vài lần” và 4,9% “chưa bao giờ gặp”. Kết quả này cho thấy phần lớn sinh viên đã từng gặp những từ có sự tương đồng về hình thức giữa hai ngôn ngữ, nhưng chưa phản ánh mức độ chúng được khai thác một cách có hệ thống trong dạy học.

Về cảm nhận, 48,5% sinh viên cho rằng từ vay mượn “dễ ghi nhớ hơn”, 26,2% thấy “dễ hiểu hơn”, chỉ 8,9% cảm thấy “bối rối”; điều này cho thấy các từ này nhìn chung tạo thuận lợi tâm lý, nhận thức cho người học. Sự gần gũi về hình thức giữa từ tiếng Pháp và từ đã quen thuộc trong tiếng Việt có thể giúp sinh viên giảm cảm giác xa lạ khi tiếp cận từ mới, qua đó hỗ trợ quá trình ghi nhớ ban đầu. Đánh giá của sinh viên nhìn chung tích cực: 88,2% cho rằng từ vay mượn giúp học hiệu quả hoặc tăng hứng thú, trong khi chỉ 11,9% nhận thấy chúng không có tác dụng hoặc gây nhầm lẫn.

Khi giáo viên liên hệ từ vay mượn, 37,7% sinh viên cho biết hiểu bài nhanh hơn và 47,7% cảm thấy gần gũi hơn với bài học; 9,5% không thấy khác biệt và 5,1% cho rằng khó hiểu hơn. Như vậy, có tới 85,4% sinh viên có đánh giá tích cực về cách liên hệ này.

Về nhu cầu tích hợp, sinh viên ưu tiên việc giải thích ngữ nghĩa (31,5%), lồng ghép vào trò chơi hoặc tình huống thực tế (22%), so sánh ngữ âm (21,5%) và thực hành qua bài tập (13,5%); 2,5% cho rằng không cần tích hợp và 9,0% lựa chọn phương án khác.

3.1.3. Quan điểm và đề xuất của sinh viên

Đa số sinh viên bày tỏ sự đồng thuận với việc lồng ghép từ vay mượn vào bài học tiếng Pháp: 47,5% mong muốn giáo viên sử dụng thường xuyên và 43% thỉnh thoảng; 4,5% lựa chọn mức ít và 5,0% cho rằng

không cần. Đồng thời, 81,5% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý đưa nội dung này vào giảng dạy.

Về lợi ích, sinh viên chủ yếu nhấn mạnh đến khả năng hỗ trợ ghi nhớ (47,5%), hiểu nghĩa (20,5%) và tạo cảm giác gần gũi (16,5%); chỉ 4,5% không nhận thấy lợi ích.

Phân tích câu hỏi mở cho thấy nhiều đề xuất cụ thể:

- Tăng ngữ cảnh, ví dụ thực tế: Lồng ghép từ vay mượn vào các tình huống đời sống (đi chợ, nhà hàng, du lịch, v.v.) để tạo kết nối thực tiễn.

- So sánh, phân tích từ: Giải thích nguồn gốc, đối chiếu từ tiếng Pháp - Việt nhằm tăng khả năng nhận diện, phân biệt nghĩa.

- Hoạt động tương tác: Tổ chức mini game, trò chơi đoán từ, thực hành nhóm để nâng cao hứng thú học tập.

- Học liệu hỗ trợ: Cung cấp tài liệu có chú thích từ nguyên, phiên âm, ví dụ minh họa giúp ghi nhớ lâu hơn.

Các nhóm đề xuất cho thấy sinh viên mong muốn từ vay mượn được tích hợp vào hoạt động học tập có ngữ cảnh, có đối chiếu ngôn ngữ và thực hành tương tác. Một số sinh viên cũng đề nghị giảm độ khó, rút gọn bài khóa và thiết kế nội dung phù hợp với ngữ cảnh Việt Nam.

3.2. Kết quả phỏng vấn giảng viên

3.2.1. Đặc điểm người học và kinh nghiệm giảng dạy

Các giảng viên được phỏng vấn có từ 5-20 năm kinh nghiệm giảng dạy tiếng Pháp cho sinh viên năm thứ nhất hoặc người mới bắt đầu. Các giáo trình được sử dụng gồm *Le Nouveau Taxi*, *Alter Ego*, *Inspire*, *Tendance*, *Édito*, *Français de police* cùng tài liệu tự biên soạn, phản ánh sự đa dạng trong lựa chọn học liệu. Nhận định về người học tập trung vào ba vấn đề: trình độ đầu vào không đồng đều; hạn chế về năng lực tự

học và tham gia hoạt động học tập; ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và các yếu tố tâm lý đối với quá trình tiếp thu tiếng Pháp.

Các giảng viên nhận định sinh viên năm thứ nhất nhìn chung thể hiện thái độ tích cực và tinh thần tò mò, nhưng gặp phải bốn khó khăn chính: trình độ đầu vào không đồng đều; hạn chế về năng lực tự học và tham gia hoạt động nhóm; ảnh hưởng của tiếng Việt đến phát âm, ngữ pháp và cách diễn đạt; cũng như tâm lý dễ nản chí trong giai đoạn đầu. Trọng tâm đánh giá có sự phân hóa: một số giảng viên nhấn mạnh chênh lệch đầu vào, trong khi những người khác chú ý nhiều hơn đến năng lực tự học, ảnh hưởng của tiếng Việt hoặc tâm lý thiếu kiên trì. Các nhận định này phù hợp với đặc điểm mẫu khảo sát, trong đó 64,4% sinh viên mới học tiếng Pháp dưới sáu tháng.

Như vậy, các kết quả trên gợi ý nhu cầu điều chỉnh hoạt động dạy học theo đặc điểm người học, đồng thời khai thác những điểm tựa ngôn ngữ quen thuộc trong giai đoạn đầu học tiếng Pháp.

3.2.2. Thực hành giảng dạy từ vay mượn và tác động đối với người học

Kết quả phỏng vấn 5 giảng viên tập trung vào ba chủ đề: vai trò của giảng viên trong kích hoạt kiến thức nền; các hình thức tích hợp từ vay mượn trong lớp học; tác động được cảm nhận đối với việc học từ vựng, phát âm và tâm lý học tập. Đồng thời, các giảng viên nêu một số lưu ý về mức độ tác động và điều kiện để tích hợp thành công.

Theo bốn trong số năm giảng viên, phần lớn sinh viên năm thứ nhất chưa chủ động nhận ra có rất nhiều từ quen thuộc trong tiếng Việt mang nguồn gốc từ tiếng Pháp. Dù thường xuyên sử dụng những từ như *cà phê*, *sô-cô-la*, *pa-tê*, *ga*, *mô tô*, *ô tô*, *tắc xi*, *sơ mi*, *cà vạt*, *bê tông* và *xi măng* trong đời sống, sinh viên ít khi ý thức về nguồn gốc của chúng. GV1 cho biết: “*Chỉ khi được giảng dạy, giải thích rõ ràng trong lớp học,*

sinh viên mới bắt đầu hình thành sự liên kết giữa tiếng Việt và tiếng Pháp”.

Cả năm giảng viên đều khẳng định có sử dụng từ vay mượn, chủ yếu trong các buổi học đầu tiên hoặc khi giới thiệu từ vựng và hiện tượng ngữ âm. Các mối liên hệ có thể được minh họa qua những cặp từ như *gare* → *ga*, *café* → *cà phê*, *gâteau* → *ga-tô*, *chocolat* → *sô-cô-la*, *pâté* → *pa-tê*, *chemise* → *sơ mi*, *cravate* → *cà vạt*, *balcon* → *ban công*, *béton* → *bê tông* và *ciment* → *xi măng*... Các hoạt động được sử dụng gồm: phân loại từ theo nguồn gốc, đối chiếu hình thức và ý nghĩa, đoán nghĩa từ ngữ cảnh và thảo luận về sự tương đồng ngữ âm. Tuy cùng sử dụng từ vay mượn trong giảng dạy, cách khai thác của các giảng viên có sự khác nhau về trọng tâm: hai trong số năm giảng viên chủ yếu sử dụng chúng làm ví dụ minh họa khi giới thiệu từ vựng mới, trong khi ba giảng viên còn lại tổ chức các nhiệm vụ so sánh, phân loại hoặc suy đoán nghĩa để người học chủ động phát hiện mối liên hệ giữa hai ngôn ngữ. Sự khác biệt này gợi ý rằng việc tích hợp từ vay mượn đã xuất hiện trong thực tiễn lớp học nhưng chưa được triển khai theo một quy trình sư phạm thống nhất.

Bốn trong số năm giảng viên cho rằng sinh viên đã biết trước hoặc được giới thiệu sớm về từ vay mượn thường thể hiện một số ưu điểm như ghi nhớ từ nhanh hơn, dễ suy đoán nghĩa và chủ động liên hệ giữa hai ngôn ngữ. GV2 nhận định: “*Sinh viên biết trước thường nhạy bén hơn, chủ động so sánh cách đọc và cấu trúc từ giữa tiếng Việt và tiếng Pháp*”. Tuy nhiên, một giảng viên lưu ý rằng lợi thế này không phải lúc nào cũng biểu hiện rõ và việc tiếp xúc trước không đồng nghĩa với hiệu quả học tập thực tế. Vì vậy, những lợi ích trên chỉ phản ánh quan sát nghề nghiệp của giảng viên, chưa chứng minh được quan hệ nhân quả.

Theo ý kiến của giảng viên, những tác động được cảm nhận của việc khai thác từ vay mượn tập trung ở ba phương diện. Về

từ vựng, sinh viên có thể nhận diện, suy đoán nghĩa và ghi nhớ từ mới thuận lợi hơn nhờ sự quen thuộc về hình thức. Về phát âm, người học có ý thức hơn trong việc so sánh và điều chỉnh cách đọc, nhưng cũng có nguy cơ phát âm theo thói quen tiếng Việt. Về tâm lý, sinh viên được nhận xét là tự tin, hứng thú và cảm thấy tiếng Pháp gần gũi hơn.

Bên cạnh những tác động tích cực được ghi nhận, một số giảng viên lưu ý rằng lợi ích này có thể không rõ nếu người học chưa được hướng dẫn về mối liên hệ hình thức và ý nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Pháp. Kết quả phỏng vấn tương đồng với dữ liệu khảo sát: phần lớn sinh viên đã từng nghe và thường xuyên hoặc thỉnh thoảng gặp từ vay mượn gốc Pháp, nhưng mức độ hiểu nguồn gốc và ý nghĩa còn hạn chế. Hai nguồn dữ liệu đều cho thấy sự quen thuộc về hình thức chưa đồng nghĩa với hiểu biết đầy đủ về lớp từ này.

Nhìn chung, các giảng viên đánh giá việc khai thác từ vay mượn có tiềm năng hỗ trợ học từ vựng và tạo tâm lý tích cực cho sinh viên năm thứ nhất, nhưng hiệu quả còn phụ thuộc vào cách tổ chức dạy học.

3.2.3. Đề xuất sự phạm

Các đề xuất của giảng viên tập trung vào ba nhóm: hình thức lồng ghép từ vay mượn trong lớp học, xây dựng học liệu chuyên biệt và mở rộng phương pháp tổ chức dạy học. Các giảng viên nhìn chung đồng thuận về tiềm năng ứng dụng, nhưng khác nhau về hình thức triển khai và mức độ tích hợp vào chương trình chính khóa.

Về hình thức, giảng viên đề xuất kết hợp so sánh phát âm, giải thích ngữ nghĩa, bài tập thực hành và trò chơi ngôn ngữ. Ba trong số năm giảng viên thiên về giải thích trực tiếp và đối chiếu ngôn ngữ, trong khi hai giảng viên còn lại chú trọng bài tập khám phá, trò chơi hoặc hoạt động nhóm. Kết quả này phản ánh sự đa dạng trong cách

triển khai, từ giảng giải trực tiếp đến tổ chức hoạt động khám phá và tương tác.

Về học liệu, bốn trên năm giảng viên đề xuất hệ thống hóa từ vay mượn trong giáo trình hoặc tài liệu bổ trợ nhằm hỗ trợ học từ vựng. Các giảng viên đồng thời nhấn mạnh yêu cầu chọn lọc, do không phải mọi từ gốc Pháp đều còn phổ biến, giữ nguyên nghĩa hoặc phù hợp với trình độ sơ cấp. Học liệu nên ưu tiên những từ quen thuộc, có tần suất sử dụng cao và phù hợp với mục tiêu từ vựng, phát âm hoặc giao tiếp.

Về phương pháp giảng dạy, các giảng viên đề xuất bốn nhóm biện pháp: đối chiếu tiếng Pháp và tiếng Việt về hình thức, phát âm và ý nghĩa; ứng dụng công nghệ qua thẻ từ điện tử, bài tập ghép cặp, câu hỏi trắc nghiệm và tệp âm thanh; tích hợp yếu tố văn hóa - xã hội thông qua việc tìm hiểu bối cảnh tiếp nhận và sự biến đổi của từ vay mượn; tổ chức dự án nhỏ, hoạt động nhóm và bài tập sáng tạo nhằm tăng sự tham gia và khả năng tự học của sinh viên. Nhìn chung, các đề xuất nhấn mạnh việc chuyển hóa từ vay mượn thành những nhiệm vụ học tập có mục tiêu, ngữ cảnh và hướng dẫn rõ ràng, đồng thời xem đây là nội dung hỗ trợ chứ không thay thế tiến trình từ vựng của giáo trình chính. Các đề xuất này tương đồng với mong muốn của sinh viên về những hoạt động so sánh, trực quan, trò chơi và thực hành. Nhìn chung, các giảng viên đánh giá việc tích hợp từ vay mượn có tiềm năng hỗ trợ người học ở giai đoạn đầu, nhưng cần được triển khai có chọn lọc, gắn với mục tiêu bài học và có sự hướng dẫn rõ ràng.

4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu chứng minh rằng việc lồng ghép từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt vào dạy học từ vựng tiếng Pháp cho sinh viên năm thứ nhất được người học và giảng viên nhìn nhận như một chiến lược

hỗ trợ có tiềm năng đối với nhận diện từ vựng, phát âm và tâm lý học tập. Những phát hiện này có thể được diễn giải chủ yếu dưới lăng kính của lý thuyết chuyển di ngôn ngữ của Odlin, đồng thời được xem xét bổ trợ qua giả thuyết đầu vào và bộ lọc cảm xúc của Krashen. Tuy nhiên, kết quả chủ yếu phản ánh nhận thức, trải nghiệm và đánh giá của sinh viên và giảng viên, chưa phải bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả sư phạm. Trên cơ sở đối chiếu hai nguồn dữ liệu, phân thảo luận tập trung vào ba vấn đề: sự khác biệt giữa nhận diện hình thức và hiểu biết về nghĩa; những lợi ích được cảm nhận cùng giới hạn của việc khai thác từ vay mượn; và các điều kiện cần thiết để tích hợp lớp từ này vào hoạt động dạy học.

Trước hết, dữ liệu khảo sát cho thấy sinh viên nhận diện khá tốt những từ đã được Việt hóa sâu, chẳng hạn *cà phê, va li, sô-cô-la, pa-tê, ga, mô tô, tắc xi, sơ mi, cà vạt* và *bê tông*, nhưng mức độ hiểu nghĩa và nhận biết nguồn gốc chưa tương xứng. Khoảng cách này có thể được lý giải từ lý thuyết chuyển di ngôn ngữ của Odlin (1989): sự tương đồng giữa ngôn ngữ đã biết và ngôn ngữ đích có thể hỗ trợ nhận diện và xử lý từ vựng, nhưng lợi thế đó chỉ phát huy khi người học nhận ra và huy động được mối liên hệ giữa hai ngôn ngữ. Kết quả này cũng có thể được đối chiếu với nghiên cứu của Ulijn và cộng sự (1981) về ảnh hưởng của vốn tiếng Pháp đối với quá trình tiếp nhận tiếng Anh của người Việt. Dù chiều chuyển di và ngôn ngữ đích khác nhau, cả hai nghiên cứu đều gợi ý rằng tri thức ngôn ngữ sẵn có có thể tham gia vào quá trình xử lý đầu vào mới. Nhận định của giảng viên đồng thời cho thấy việc thường xuyên sử dụng một từ vay mượn trong tiếng Việt không đồng nghĩa với việc người học tự động nhận ra nguồn gốc và sự tương ứng của từ đó trong tiếng Pháp. Vì vậy, giá trị sư phạm của lớp từ này phụ thuộc vào việc giảng viên hướng dẫn người học đối chiếu

hình thức, phát âm và ý nghĩa, qua đó chuyển vốn từ quen thuộc thành điểm tựa có kiểm soát cho việc tiếp nhận từ vựng.

Tiếp theo, sinh viên và giảng viên đều cho rằng việc tích hợp từ vay mượn vào bài học có thể hỗ trợ ghi nhớ từ vựng, giúp người học chú ý hơn đến phát âm, đồng thời tạo cảm giác gần gũi và tự tin hơn khi tiếp cận tiếng Pháp. Kết quả này có thể được diễn giải bổ trợ từ giả thuyết đầu vào của Krashen (1985): khi nhận thấy những yếu tố quen thuộc về hình thức hoặc ý nghĩa, người học có thể huy động vốn ngôn ngữ đã biết như một điểm tựa để xử lý đầu vào mới. Tuy nhiên, đây mới chỉ là sự diễn giải dựa trên nhận thức của người tham gia, chưa phải bằng chứng cho thấy việc khai thác từ vay mượn trực tiếp cải thiện kết quả học tập.

Nhận định của giảng viên củng cố việc xem từ vay mượn như một nguồn lực sư phạm có tiềm năng ở trình độ sơ cấp A1-A2. Kết quả này có thể đối chiếu với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy (2022), theo đó người học đã tiếp xúc với từ vay mượn có thể chủ động hơn trong suy đoán nghĩa và liên hệ giữa hai ngôn ngữ. Trương Tiến Dũng (2018) cũng đề cập khả năng khai thác lớp từ này trong xây dựng học liệu tiếng Pháp. So với những nghiên cứu trước chủ yếu tập trung vào đặc điểm của từ vay mượn hoặc khả năng sử dụng chúng trong học liệu, nghiên cứu hiện tại bổ sung sự đối chiếu giữa nhận thức của sinh viên và góc nhìn chuyên môn của giảng viên. Kết quả cho thấy hai nhóm chú ý đến những phương diện khác nhau: sinh viên chủ yếu nhấn mạnh cảm giác gần gũi, dễ tiếp cận và hứng thú, trong khi giảng viên quan tâm nhiều hơn đến điều kiện tổ chức hoạt động, sự khác biệt về trình độ và nguy cơ sai lệch về phát âm hoặc ý nghĩa. Hai góc nhìn bổ sung cho nhau và cho thấy tiềm năng của từ vay mượn chỉ có thể được phát huy thông qua hoạt động đối chiếu và hướng dẫn có mục tiêu. Sự tương đồng giữa từ tiếng Việt và từ gốc tiếng Pháp

cũng có thể dẫn đến chuyển di tiêu cực, chẳng hạn người học giữ cách phát âm đã Việt hóa, suy đoán nghĩa không chính xác hoặc xem hai từ là tương đương trong mọi ngữ cảnh. Nguy cơ này có thể được đối chiếu với các phân tích của Huynh (2008) và Scholvin và Meinschaefer (2018) về sự thích nghi ngữ âm, âm tiết và thanh điệu của từ gốc Pháp trong tiếng Việt. Những biến đổi này giúp từ vay mượn hòa nhập vào hệ thống tiếng Việt nhưng cũng có thể làm tăng khoảng cách giữa dạng Việt hóa và từ gốc. Do đó, vốn từ quen thuộc vừa có thể hỗ trợ nhận diện, vừa có thể gây sai lệch nếu người học chuyên nguyên cách phát âm hoặc cách hiểu đã Việt hóa sang tiếng Pháp.

Về điều kiện tích hợp và hàm ý sư phạm, dữ liệu từ hai nhóm người tham gia cùng nhân mạnh nhu cầu tổ chức hoạt động có hướng dẫn, tương tác và gắn với ngữ cảnh; trong khi các đề xuất về công nghệ và nội dung văn hóa - xã hội chủ yếu được giảng viên đề cập. Sự hội tụ này gợi ý triển vọng ứng dụng sâu rộng của việc lồng ghép từ vay mượn trong dạy học. Kết quả thể hiện sự tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Hồng (2012) về khả năng huy động các nguồn lực xã hội - ngôn ngữ có nguồn gốc Pháp trong môi trường Việt Nam, đồng thời phù hợp với quan điểm của Blouin (2017) về yêu cầu bối cảnh hóa hoạt động dạy học tiếng Pháp theo môi trường của người học. Việc tích hợp không nên dừng ở mức độ cung cấp danh sách các cặp từ tương ứng mà cần được triển khai qua những nhiệm vụ có mục tiêu và ngữ cảnh rõ ràng, chẳng hạn đối chiếu phát âm, phân biệt nghĩa và suy đoán nghĩa trong ngữ cảnh. Bên cạnh giáo trình chính, giảng viên có thể sử dụng bảng đối chiếu, thẻ từ, bài tập phát âm, nhiệm vụ nhận diện sự thay đổi về nghĩa và các nền tảng số phù hợp. Tuy nhiên, từ vay mượn chỉ nên đóng vai trò hỗ trợ; việc lựa chọn cần căn cứ vào mức độ phổ biến, trình độ người học và mục tiêu của từng bài học.

Cuối cùng, nghiên cứu này gợi ý rằng tiếng mẹ đẻ không chỉ có khả năng tạo ra cản trở mà còn có thể trở thành nguồn lực hỗ trợ đắc lực nếu được khai thác hợp lý. Kết quả góp phần củng cố quan điểm xem vốn ngôn ngữ đã biết của người học là một nguồn lực có thể được huy động có chọn lọc trong dạy học ngoại ngữ. Trong phạm vi một nghiên cứu mô tả - thăm dò, đóng góp của nghiên cứu nằm ở việc ghi nhận từ cả người học và người dạy tiềm năng sử dụng từ vay mượn gốc Pháp như một điểm tựa trong dạy học từ vựng tiếng Pháp. Những kết quả này có thể làm cơ sở cho việc xây dựng và kiểm chứng các hoạt động sư phạm cụ thể trong những nghiên cứu thực nghiệm hoặc bán thực nghiệm tiếp theo.

5. Kết luận và hàm ý

Nghiên cứu có mục tiêu làm rõ tiềm năng sư phạm của việc lồng ghép từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Pháp cho sinh viên năm thứ nhất. Dữ liệu khảo sát 205 sinh viên và phỏng vấn 5 giảng viên cho thấy lớp từ này được người học và người dạy nhìn nhận như một nguồn hỗ trợ có tiềm năng trong quá trình học tiếng Pháp ở giai đoạn đầu. Sinh viên nhận diện tương đối tốt một số từ quen thuộc và đã được Việt hóa sâu, nhưng mức độ hiểu nguồn gốc, ý nghĩa và mối liên hệ với từ gốc tiếng Pháp chưa tương ứng với khả năng nhận diện hình thức. Hai nhóm người tham gia đều cho rằng việc khai thác lớp từ này có thể hỗ trợ suy đoán nghĩa, ghi nhớ từ vựng, chú ý đến phát âm và tạo cảm giác gần gũi, tự tin hơn ở người mới học. Tuy nhiên, những lợi ích này phụ thuộc vào cách tổ chức hoạt động và sự hướng dẫn của giảng viên. Việc lồng ghép được đánh giá là phù hợp hơn ở trình độ sơ cấp A1-A2 và chỉ nên đóng vai trò hỗ trợ, không thay thế nội dung và tiến trình của giáo trình chính.

Về phương diện đóng góp, nghiên cứu cung cấp dữ liệu mô tả - thăm dò từ hai nhóm chủ thể trực tiếp tham gia quá trình dạy và học, gồm sinh viên năm thứ nhất và giảng viên tiếng Pháp. Việc đối chiếu hai nguồn dữ liệu giúp làm rõ cả những lợi ích được người học cảm nhận và các điều kiện, giới hạn, cũng như nguy cơ sự phạm được giảng viên nhận diện. Nghiên cứu bổ sung góc nhìn sự phạm vào các nghiên cứu về từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt, đồng thời làm rõ khoảng cách giữa khả năng nhận diện hình thức quen thuộc và mức độ hiểu nguồn gốc, ý nghĩa, phát âm cũng như sự tương ứng với từ gốc tiếng Pháp. Kết quả cũng cung cấp cơ sở thực tiễn ban đầu cho việc xem vốn từ quen thuộc trong tiếng mẹ đẻ như một điểm tựa có thể được huy động có chọn lọc trong dạy học từ vựng tiếng Pháp ở trình độ sơ cấp.

Về hàm ý sự phạm, giảng viên có thể lồng ghép từ vay mượn thông qua các hoạt động đối chiếu hình thức, phát âm và ý nghĩa; giải thích nguồn gốc và sự biến đổi của từ; suy đoán nghĩa trong ngữ cảnh; trò chơi ngôn ngữ; nhiệm vụ nhóm và ứng dụng công nghệ. Từ ngữ và hình thức tổ chức cần được lựa chọn theo trình độ người học, mục tiêu bài học, mức độ phổ biến và khả năng sử dụng trong giao tiếp thực tế. Cách triển khai có hướng dẫn này có thể phát huy chuyên di tích cực, đồng thời hạn chế nguy cơ người học phát âm theo dạng Việt hóa, suy đoán nghĩa chưa chính xác hoặc mặc nhiên xem từ vay mượn và từ gốc tiếng Pháp là hoàn toàn tương đương.

Nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế về mẫu, công cụ và thiết kế. Trước hết, mẫu được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện và chỉ gồm sinh viên tại bốn cơ sở đào tạo ở miền Bắc Việt Nam. Phân bố mẫu chưa đồng đều, trong đó sinh viên Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải chiếm 50,7%, nên kết quả chung có thể phản ánh rõ hơn đặc điểm của nhóm này. Nghiên cứu

không nhằm so sánh giữa các trường; do đó, kết quả chủ yếu có giá trị mô tả - thăm dò đối với nhóm tham gia và chưa thể khái quát cho toàn bộ bối cảnh dạy học tiếng Pháp tại Việt Nam. Nhóm phỏng vấn chỉ gồm năm giảng viên nên chưa phản ánh đầy đủ sự đa dạng quan điểm của đội ngũ giảng viên tiếng Pháp.

Thứ hai, dữ liệu bảng hỏi mang tính tự báo cáo, còn phỏng vấn phản ánh quan sát và đánh giá nghề nghiệp của giảng viên. Nghiên cứu chưa triển khai can thiệp hoặc phép đo trước - sau để đánh giá trực tiếp sự thay đổi về vốn từ, phát âm, mức độ tự tin hay khả năng sử dụng từ. Vì vậy, các lợi ích được ghi nhận là lợi ích do người tham gia cảm nhận, chưa chứng minh quan hệ nhân quả giữa việc lồng ghép từ vay mượn và kết quả học tập.

Thứ ba, phân tích định lượng mới dừng ở thống kê mô tả và chưa xem xét mối liên hệ giữa đánh giá của sinh viên với thời gian học, trình độ đầu vào hoặc mức độ tiếp xúc với từ vay mượn. Bảng hỏi cũng chưa được khảo sát thử trên một mẫu độc lập, nên độ rõ ràng và ổn định của các mục hỏi chưa được kiểm tra đầy đủ.

Trong các nghiên cứu tiếp theo, cần mở rộng phạm vi khảo sát sang nhiều vùng miền, đa dạng hóa đối tượng và bảo đảm phân bố mẫu cân đối hơn giữa các cơ sở đào tạo. Công cụ khảo sát cần được thử nghiệm trước, thẩm định nội dung và hoàn thiện quy trình mã hóa, phân tích dữ liệu. Các phân tích thống kê phù hợp cũng có thể được sử dụng để xem xét mối liên hệ giữa đánh giá của người học với thời gian học tiếng Pháp, trình độ đầu vào và mức độ tiếp xúc với từ vay mượn. Quan trọng hơn, các nghiên cứu thực nghiệm hoặc bán thực nghiệm với phép đo trước - sau và nhóm đối chứng cần được triển khai để đánh giá trực tiếp tác động của việc lồng ghép từ vay mượn đối với khả năng ghi nhớ, suy đoán nghĩa, phát âm và sử dụng từ.

Nhìn chung, việc lồng ghép từ vay mượn gốc Pháp có tiềm năng hỗ trợ dạy học từ vựng ở giai đoạn đầu, nhưng hiệu quả thực tế cần được kiểm chứng bằng các nghiên cứu có tính đại diện cao hơn, công cụ phù hợp và thiết kế thực nghiệm chặt chẽ hơn.

* *Tuyên bố sử dụng AI*: Bài viết có sử dụng AI hỗ trợ biên tập ngôn ngữ và trình bày. Tất cả nội dung do AI gợi ý đều được tác giả kiểm tra, đối chiếu với dữ liệu và tài liệu gốc. Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực học thuật và toàn bộ nội dung cuối cùng của bài viết.

Tài liệu trích dẫn

- Coady, James. 1997. "L2 vocabulary acquisition through extensive reading". Trang 225–237 trong sách *Second language vocabulary acquisition: A rationale for pedagogy*, chủ biên James Coady và Thomas Huckin. Cambridge: Cambridge University Press.
- Blouin, Marie-José. 2017. "L'enseignement du français en milieu institutionnel vietnamien entre culture d'enseignement et culture d'apprentissage : pratiques et perspectives" (Việc giảng dạy tiếng Pháp trong môi trường thể chế Việt Nam giữa văn hóa giảng dạy và văn hóa học tập: thực hành và triển vọng). *Mélanges CRAPEL* 38/2: 31-54.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2025. "Đẩy mạnh hoạt động giảng dạy tiếng Pháp tại Việt Nam". Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo. Truy cập ngày 28 tháng 6 năm 2026. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/hoi-nhap-quoc-te-ve-gddt/Pages/tin-tuc.aspx?ItemID=10464>.
- Huynh, Sabine. 2008. "L'assimilation des mots d'emprunts français à la langue vietnamienne : la question des tons" (Sự đồng hóa các từ vay mượn tiếng Pháp vào tiếng Việt: vấn đề thanh điệu). *Cahiers de Linguistique - Asie Orientale* 37(2): 223-240.
<https://doi.org/10.1163/1960602808X00082>
- Krashen, Stephen D. 1985. *The input hypothesis: issues and implications*. London: Longman.
- Nguyễn Quang Tuân và Nguyễn Đức Dân. 1992. *Từ điển các từ tiếng Việt gốc Pháp*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Nguyễn Thị Phương Hồng. 2012. "L'adaptation de la didactique du français au contexte sociolinguistique du Vietnam" (Điều chỉnh phương pháp dạy học tiếng Pháp theo bối cảnh xã hội-ngôn ngữ của Việt Nam). Luận án tiến sĩ ngành Khoa học ngôn ngữ, Université Rennes 2, Rennes.
- Nguyễn Thị Thúy. 2022. "Ảnh hưởng của từ mượn tiếng Pháp trong tiếng Việt đến việc học tiếng Pháp như ngoại ngữ của sinh viên Việt Nam". Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội. Thư viện số Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Truy cập ngày 12 tháng 04 năm 2026.
<https://opac.hnue.edu.vn/EDetail.aspx?f=tacgia&id=37190>
- Nguyễn Thị Thùy, Hoàng Thị Hồng Vân và Đặng Quang Huy. 2022. "Nghiên cứu từ mượn tiếng Pháp trong tiếng Việt và ảnh hưởng của chúng tới việc học tiếng Pháp với tư cách là ngoại ngữ". *Journal of Educational Equipment: Education Management* 1(264): 77–80.
- Nguyễn Văn Khang. 2007. *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Odlin, Terence. 1989. *Language transfer: cross-linguistic influence in language learning*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Scholvin, Vera, and Judith Meinschaefer. 2018. "The integration of French loanwords into Vietnamese: A corpus-based analysis of tonal, syllabic and segmental aspects". Trang 157–173 trong kỷ yếu hội thảo *Papers from the Seventh International Conference on Austroasiatic Linguistics*, chủ biên Hiram Ring và Felix Rau. *JSEALS Special Publication 3*. Honolulu: University of Hawai'i Press.
- Trương Tiến Dũng. 2018. "Xây dựng giáo trình dạy tiếng Việt cho người Pháp trên cơ sở từ mượn tiếng Pháp trong tiếng Việt". Báo cáo khoa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Huế. Truy cập ngày 12 tháng 04 năm 2026.
https://csdlkhoa.hueuni.edu.vn/data/2018/8/TR_UONGTDUNG_Bao_cao_toan_van_Ky_yeu.pdf.
- Ulijn, Jan, Susan Wolfe, and Adele Donn. 1981. "The lexical transfer effect of French knowledge in the acquisition of English by native Vietnamese Speakers". *Foreign-Language Acquisition Research Report 6*. Eindhoven: Eindhoven University of Technology.

Phụ lục A: Câu hỏi điều tra dành cho sinh viên

Phiếu khảo sát này là một phần quan trọng trong công trình nghiên cứu về “*Lồng ghép từ vay mượn gốc tiếng Pháp trong tiếng Việt nhằm nâng cao chất lượng dạy học từ vựng tiếng pháp cho sinh viên năm nhất*”.

Các câu trả lời của anh/chị sẽ cung cấp thông tin quý báu và khách quan, góp phần làm rõ nhận thức, trải nghiệm học tập và đề xuất cải tiến phương pháp giảng dạy tiếng Pháp cho người học Việt Nam.

Toàn bộ thông tin thu thập chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, hoàn toàn ẩn danh, và sẽ được xử lý một cách bảo mật, trung thực, tôn trọng quyền riêng tư của người tham gia.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác quý báu của anh/chị!

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên (không bắt buộc): _____

2. Giới tính: Nam Nữ Khác

3. Anh/chị đang học tại trường: Học viện Cảnh sát Nhân dân Đại học Thương mại
 Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG ĐH Công nghệ GTVT

4. Anh/chị đã học tiếng Pháp được bao lâu? Dưới 6 tháng. Từ 6-12 tháng. Trên 1 năm.

5. Trình độ hiện tại: A1. A2. Chưa rõ..

PHẦN 2. NHẬN DIỆN VÀ HIỂU BIẾT VỀ TỪ VAY MƯỢN

6. Anh/chị đã từng nghe tới khái niệm “từ vay mượn gốc Pháp” trong tiếng Việt chưa? (Từ vay mượn gốc Pháp là những từ có nguồn gốc từ tiếng Pháp nhưng đã được sử dụng phổ biến trong tiếng Việt, ví dụ: cà phê, va li...)

Có. Không. Không chắc

7. Theo Anh/chị, các từ sau có phải là từ vay mượn gốc Pháp không? (Chọn Có/Không/Không biết cho từng từ):

Từ vựng	Có	Không	Không biết
Cà phê	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sô-cô-la	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Súp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ra-đi-ô	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tắc xi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Menu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Mô tơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Va li	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Áo sơ mi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Phô mai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ga	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Pa-tê	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bánh mì	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
A-xi-pi-rin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Xe máy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Pizza	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8. Anh/chị có từng được giảng viên hoặc tài liệu giải thích về nguồn gốc tiếng Pháp của các từ này không?

Có. Không. Không nhớ.

9. Trong đời sống hàng ngày, Anh/chị bắt gặp các từ vay mượn gốc Pháp với tần suất như thế nào?

Rất thường xuyên thỉnh thoảng Hiếm Gần như không Không để ý

10. Mức độ hiểu nghĩa của Anh/chị với những từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt là:

Hiểu rõ Hiểu tương đối Biết mặt chữ nhưng không hiểu rõ Không hiểu

PHẦN 3. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC TÍCH HỢP TỪ VAY MƯỢN VÀO BÀI GIẢNG TIẾNG PHÁP

11. Anh/chị đã từng gặp các từ giống tiếng Việt khi học tiếng Pháp chưa (ví dụ: *café, moteur, valise*)?

Rất nhiều Một vài lần Không chắc Chưa bao giờ

12. Khi gặp những từ này trong tiếng Pháp, Anh/chị cảm thấy thế nào?

Dễ hiểu hơn Dễ ghi nhớ Tự tin Không khác biệt Bối rối

13. Theo Anh/chị, các từ vay mượn quen thuộc giúp Anh/chị học tiếng Pháp:

- Hiệu quả hơn Hứng thú hơn Không có tác dụng Gây nhầm lẫn

14. Khi giáo viên liên hệ các từ tiếng Việt gốc Pháp trong bài giảng, Anh/chị:

- Hiểu bài nhanh hơn Cảm thấy gần gũi Không có gì đặc biệt Khó hiểu hơn

15. Anh/chị mong muốn việc tích hợp các từ vay mượn vào bài học tiếng Pháp được thực hiện theo cách nào?

- Giải thích ngữ nghĩa So sánh ngữ âm Làm bài tập có từ vay mượn
 Trò chơi – tình huống Không cần tích hợp Khác: _____

PHẦN 4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP SỬ DỤNG

16. Anh/chị muốn giáo viên sử dụng từ vay mượn gốc Pháp trong bài giảng ở mức độ:

- Thường xuyên thỉnh thoảng Ít Không cần

17. Anh/chị có đồng ý rằng việc khai thác từ vay mượn nên trở thành một phần trong chiến lược dạy tiếng Pháp cho người Việt?

- Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Phân vân Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý

18. Theo Anh/chị, đâu là lợi ích lớn nhất khi lồng ghép các từ vay mượn trong giảng dạy?

- Dễ ghi nhớ Dễ hiểu Gần gũi Tạo hứng thú học Không thấy lợi ích

19. (Câu hỏi mở) Anh/chị có đề xuất gì để việc sử dụng các từ vay mượn gốc Pháp trong lớp học trở nên hiệu quả hơn? (Trả lời ngắn gọn dưới 100 từ)

Phụ lục B: Phỏng vấn bán cấu trúc dành cho giảng viên

Phiếu phỏng vấn này là một phần quan trọng trong công trình nghiên cứu mang tên: “*Lồng ghép từ vay mượn gốc tiếng Pháp trong tiếng Việt nhằm nâng cao chất lượng dạy học từ vựng tiếng pháp cho sinh viên năm nhất*”.

Nội dung trao đổi của thầy/cô sẽ cung cấp những thông tin quý báu, giúp nhóm nghiên cứu hiểu rõ hơn về nhận thức, trải nghiệm giảng dạy và các chiến lược sư phạm liên quan đến việc khai thác các từ vay mượn gốc tiếng Pháp trong quá trình giảng dạy tiếng Pháp cho sinh viên Việt Nam.

Tất cả thông tin cung cấp trong cuộc phỏng vấn sẽ được xử lý hoàn toàn ẩn danh, chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học và tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc bảo mật, tự nguyện, tôn trọng quyền riêng tư của người tham gia.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác quý báu của thầy/cô!

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

1. Thầy/cô có thể giới thiệu sơ lược về quá trình giảng dạy tiếng Pháp của mình? (số năm kinh nghiệm, đối tượng chính, giáo trình thường sử dụng...)

2. Thầy/cô có thường xuyên giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất không? Nếu có, thầy/cô có thể chia sẻ một vài đặc điểm nổi bật của nhóm người học này trong quá trình tiếp cận tiếng Pháp ban đầu?

PHẦN 2. NHẬN THỨC VỀ TỪ VAY MƯỢN

3. Theo thầy/cô, sinh viên có nhận biết được các từ vay mượn gốc Pháp trong tiếng Việt không? Thầy/cô có nhận thấy sự khác biệt giữa những sinh viên đã biết trước về các từ này và những sinh viên hoàn toàn mới không?

4. Trong thực tế giảng dạy, thầy/cô có từng sử dụng các từ vay mượn để giúp sinh viên hiểu nhanh hơn từ tiếng Pháp không? Nếu có, đó thường là trong tình huống nào? Sinh viên có phản ứng tích cực không?

PHẦN 3. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC TÍCH HỢP TỪ VAY MƯỢN VÀO BÀI GIẢNG

5. Theo đánh giá của thầy/cô, việc lồng ghép các từ vay mượn quen thuộc trong tiếng Việt có giúp sinh viên học tiếng Pháp hiệu quả hơn không? Cụ thể là trên phương diện từ vựng, phát âm hoặc sự tự tin trong lớp học?

PHẦN 4. ĐỀ XUẤT SỬ DỤNG - ỨNG DỤNG TRONG GIẢNG DẠY

6. Theo thầy/cô, việc tích hợp từ vay mượn vào bài giảng tiếng Pháp nên được thực hiện theo hình thức nào để đạt hiệu quả sư phạm cao nhất? Ví dụ như giải thích liên hệ, so sánh phát âm, bài tập vận dụng hay trò chơi ngôn ngữ? So sánh phát âm. Giải thích liên hệ.

7. Thầy/cô có cho rằng việc khai thác từ vay mượn nên được đưa chính thức vào giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy tiếng Pháp không? Vì sao?

8. Thầy/cô có đề xuất nào khác để nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Pháp cho sinh viên năm thứ nhất, dựa trên đặc điểm ngôn ngữ và nền tảng tiếng Việt?